

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 148 /2020/HN-ST

Ngày: 23/4/2020

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Trung Trực**.

Ông **Nguyễn Hoa Kiều**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Dương Kim Cương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 568/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Võ Thị Huyền T**, sinh năm 1991.

Hộ khẩu thường trú: ấp Hòa Phú, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Tạm trú: ấp Trung Thạnh, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

* Bị đơn: **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1984.

Cư trú: ấp Hòa Phú, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải chị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc D do quen biết tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới năm 2010 và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/6/2010. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh D bạo lực gia đình, mỗi lần nhậu say về nhà kiểm chuyện chửi mắng, đánh đập chị nhiều lần, anh Dũng cũng không hề thông cảm chia sẻ cuộc sống gia đình với chị, anh Dũng nghe lời cha mẹ đề hành hạ, đánh đập chị. Hơn nữa, cha mẹ chồng cũng nói này nói

nợ, chị không làm sai chuyện gì để cha mẹ chồng nói như thế nên anh chị đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Chị nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Ngọc Duy P, sinh ngày 04/01/2013 hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh D trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trang về thời gian, điều kiện kết hôn và có hai con chung là đúng. Anh cũng thừa nhận là những mâu thuẫn chị Trang trình bày là có. Anh cũng có đánh vợ nhưng do anh nóng tính không kiềm chế được nên vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 03/2019 đến nay, trong thời gian ly thân, anh có đến rước vợ và xin lỗi vợ một lần cho đến nay.

Nay, anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn con anh mất cha, mất mẹ. Anh yêu cầu đợi con anh lớn hỏi ý kiến hai con rồi anh sẽ đồng ý ly hôn, đồng thời anh cũng còn thương vợ muốn đoàn tụ với vợ.

Nếu tòa án giải quyết cho anh ly hôn thì về con chung: anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Ngọc P và Nguyễn Ngọc Duy P, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh yêu cầu chị T trả lại số nữ trang cưới là 10 chỉ vàng 24k để anh nuôi con. Anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung này.

Về nợ chung: Anh D khai không có

* Tại phiên tòa, chị T, anh D vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như nêu trên. Đối với tài sản chung, anh D trình bày không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giao hai con chung Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Ngọc Duy P, sinh ngày 04/01/2013 cho anh Dũng trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị Huyền T và anh Nguyễn Quốc D tự nguyện tổ chức cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Hòa Tịnh,

huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26 ngày 02/6/2010 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh D. Nguyên nhân anh D bạo lực gia đình, mỗi lần nhậu say về nhà kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị nhiều lần, anh Dũng cũng không hề thông cảm chia sẻ cuộc sống gia đình với chị, anh D nghe lời cha mẹ để hành hạ, đánh đập chị nên anh chị đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là có xảy ra, bởi lẽ được anh D thừa nhận anh cũng có đánh vợ nhưng do anh nóng tính không kìm chế được nên chị T đã bỏ đi hai lần, từ đó vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Anh không đồng ý ly hôn nhưng từ khi xảy ra mâu thuẫn cũng như trong thời gian ly thân anh không chủ động có biện pháp khắc phục, tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, chị T xác định không còn tình cảm và không đồng ý đoàn tụ với anh Dũng. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, kéo dài, hai bên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị T sống nơi khác. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Ngọc Duy P, sinh ngày 04/01/2013. Tại phiên tòa, anh D cho rằng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Xét yêu cầu nuôi con của anh D là có cơ sở bởi cháu P có mặt tại phiên tòa có mong muốn được sống với anh D, đồng thời tại phiên tòa, chị T cũng thống nhất giao hai cháu P và P cho anh D nuôi dưỡng nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, cần giao hai cháu Ngọc P và Duy P cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị T, anh D trình bày không tranh chấp tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T, anh D khai không có.

Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Trang phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Huyền T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc D.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Ngọc Duy P, sinh ngày 04/01/2013 cho chị anh D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp.

- Về nợ chung: Anh D, chị T khai không có.

- Về án phí HNST:

Chị Võ Thị Huyền T phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0003090 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị T đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG ;
- Đương sự;
- UBND xã Hòa Tịnh;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thanh Bình

